

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2015/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2015

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ  
của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối số 28/2005/PL-UBTVQH11 ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối số 06/2013/PL-UBTVQH13 ngày 18 tháng 3 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 70/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh ngoại hối và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;*

*Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối.*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ trong nước giữa các tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với nhau và giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với khách hàng.

2. Giao dịch ngoại tệ giữa tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) được thực hiện theo quy định riêng của Ngân hàng Nhà nước.

## **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Tại Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối là các ngân hàng, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép).

2. Khách hàng bao gồm:

a) Người cư trú là tổ chức kinh tế (bao gồm cả tổ chức tín dụng không phải là tổ chức tín dụng được phép), tổ chức khác và cá nhân;

b) Người không cư trú là tổ chức, cá nhân.

3. Tổ chức kinh tế là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và các tổ chức khác thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, trừ tổ chức tín dụng được phép.

4. Tổ chức khác là tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, trừ tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

5. Giao dịch ngoại tệ bao gồm: giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay; giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn; giao dịch hoán đổi ngoại tệ và giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ.

Thuật ngữ “giao dịch ngoại tệ” tại Thông tư này đồng nghĩa với thuật ngữ “giao dịch hối đoái” được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành.

6. Giao dịch mua, bán ngoại tệ giao ngay (sau đây gọi là giao dịch giao ngay) là giao dịch hai bên thực hiện mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá giao ngay xác định tại ngày giao dịch.

7. Giao dịch mua, bán ngoại tệ kỳ hạn (sau đây gọi là giao dịch kỳ hạn) là giao dịch hai bên cam kết mua, bán với nhau một lượng ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác theo tỷ giá kỳ hạn xác định tại ngày giao dịch. Kỳ hạn của giao dịch được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

8. Giao dịch hoán đổi ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch hoán đổi) là giao dịch giữa hai bên, bao gồm một giao dịch mua và một giao dịch bán cùng một lượng

ngoại tệ với Đồng Việt Nam hoặc với một ngoại tệ khác, trong đó ngày thanh toán của hai giao dịch là khác nhau và tỷ giá của hai giao dịch được xác định tại ngày giao dịch.

Giao dịch hoán đổi bao gồm hai giao dịch giao ngay hoặc hai giao dịch kỳ hạn hoặc một giao dịch giao ngay và một giao dịch kỳ hạn. Giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam và ngoại tệ phải có ít nhất một giao dịch là giao dịch kỳ hạn.

9. Giao dịch quyền chọn mua, bán ngoại tệ (sau đây gọi là giao dịch quyền chọn) là giao dịch giữa hai bên, trong đó bên mua trả cho bên bán giá mua quyền chọn để có quyền nhưng không có nghĩa vụ mua hoặc bán giao ngay một lượng ngoại tệ với một ngoại tệ khác trong một khoảng thời gian do hai bên thỏa thuận theo tỷ giá xác định tại ngày giao dịch. Nếu bên mua chọn thực hiện quyền mua hoặc quyền bán ngoại tệ của mình, bên bán có nghĩa vụ bán hoặc mua lượng ngoại tệ đó theo tỷ giá đã thỏa thuận.

10. Giá mua quyền chọn là số tiền mà bên mua quyền chọn phải trả cho bên bán quyền chọn để mua quyền mua hoặc quyền bán một lượng ngoại tệ trong giao dịch quyền chọn. Giá mua quyền chọn do các bên thỏa thuận.

11. Ngày giao dịch là ngày hai bên tham gia giao dịch hoàn tất thỏa thuận giao dịch quy định tại Điều 7 Thông tư này.

### **Điều 3. Nguyên tắc thực hiện giao dịch**

1. Việc thực hiện giao dịch ngoại tệ phải phù hợp với quy định tại Thông tư này, phạm vi hoạt động ngoại hối của từng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tại Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các giao dịch ngoại tệ mà tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được Ngân hàng Nhà nước cho phép kinh doanh, cung ứng, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện các giao dịch ngoại tệ do tổ chức tín dụng được phép cung ứng như tổ chức kinh tế theo quy định tại Thông tư này.

2. Các bên tham gia giao dịch ngoại tệ phải thực hiện giao dịch trên nguyên tắc trung thực, rõ ràng và hoàn toàn chịu trách nhiệm về quyết định tham gia giao dịch của mình.

3. Tổ chức tín dụng được phép trực tiếp hoặc ủy quyền cho một chi nhánh thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép khác.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 4. Phạm vi giao dịch**

1. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn với tổ chức tín dụng được phép khác.

2. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch hoán đổi, giao dịch quyền chọn (trừ giao dịch mua quyền chọn) với tổ chức kinh tế.

3. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay, giao dịch kỳ hạn, giao dịch quyền chọn (trừ giao dịch mua quyền chọn) với người cư trú là tổ chức khác và cá nhân.

4. Tổ chức tín dụng được phép được thực hiện giao dịch giao ngay với người không cư trú là tổ chức, cá nhân.

#### **Điều 5. Đồng tiền giao dịch và tỷ giá giao dịch**

1. Tổ chức tín dụng được phép quy định các loại ngoại tệ giao dịch tại tổ chức tín dụng.

2. Tỷ giá giao ngay giữa Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ của giao dịch giao ngay, giao dịch giao ngay trong giao dịch hoán đổi được xác định theo tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố và trong phạm vi biên độ do Ngân hàng Nhà nước quyết định.

3. Tỷ giá kỳ hạn giữa Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ trong giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi do các bên tham gia giao dịch thỏa thuận nhưng không vượt quá mức tỷ giá được xác định trên cơ sở:

a) Tỷ giá giao ngay vào ngày giao dịch;

b) Chênh lệch giữa hai mức lãi suất hiện hành là lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước công bố và lãi suất mục tiêu Đô la Mỹ của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Federal Funds Target Rate);

c) Kỳ hạn của giao dịch.

4. Tỷ giá giữa Đồng Việt Nam với các ngoại tệ khác ngoài Đô la Mỹ và giữa các ngoại tệ với nhau trong các giao dịch ngoại tệ do các bên thỏa thuận.

5. Tổ chức tín dụng được phép phải niêm yết công khai loại ngoại tệ giao dịch, tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các ngoại tệ trong giao dịch với khách hàng.

**Điều 6. Kỳ hạn của giao dịch**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, kỳ hạn của các giao dịch ngoại tệ do các bên thỏa thuận.

2. Kỳ hạn của giao dịch kỳ hạn, giao dịch kỳ hạn trong giao dịch hoán đổi giữa Đồng Việt Nam với ngoại tệ tối thiểu từ 03 (ba) ngày làm việc đến 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày kể từ ngày giao dịch.

**Điều 7. Thỏa thuận giao dịch**

1. Thỏa thuận giao dịch ngoại tệ phải được lập thành văn bản, trong đó phải có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên các bên tham gia giao dịch;
- b) Ngày giao dịch;
- c) Loại hình giao dịch;
- d) Đồng tiền giao dịch;
- đ) Số lượng ngoại tệ;
- e) Tỷ giá;
- g) Ngày thanh toán;
- h) Giá mua quyền chọn (đối với giao dịch quyền chọn).

2. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, thỏa thuận giao dịch giữa các tổ chức tín dụng được phép phải có thêm các nội dung sau:

- a) Người đại diện thực hiện giao dịch;
- b) Chỉ dẫn thanh toán;
- c) Phương tiện giao dịch;
- d) Hình thức xác nhận giao dịch, người có thẩm quyền xác nhận giao dịch đối với giao dịch ngoại tệ thực hiện trên các phương tiện điện tử, điện thoại.

3. Ngoài các nội dung quy định tại khoản 1 và 2 Điều này, các bên có thể thỏa thuận các nội dung khác phù hợp với quy định tại Thông tư này và quy định khác của pháp luật.

4. Thỏa thuận giao dịch quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này được lập dưới hình thức thỏa thuận khung và/hoặc thỏa thuận cụ thể.

5. Thỏa thuận về giao dịch ngoại tệ do hai bên thực hiện là cam kết không thay đổi, trừ khi hai bên đạt được thỏa thuận bằng văn bản sửa đổi hoặc hủy bỏ giao dịch.